TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 1292/2025/DS-ST Ngày: 29/9/2025 V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tưởng Công Sơn
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân
Bà Huỳnh Thị Tuyết Vân

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Nguyễn Thanh Nghị – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Phan Thị Hoài- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1082/2024/DSST ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1513/2025/QĐXX- DS ngày 12 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 2703/2025/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT.
Địa chỉ trụ sở: Lầu 13, Số 266-268 NKKN, phường XH (cũ là phường VTS, quận 3), Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc.
Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1983 – Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ.
Người được ủy quyền: Ông Dương Văn T, sinh năm 1987.
Địa chỉ: Số 266-268 NKKN, phường XH (cũ là phường VTS, Quận 3), Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt).
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trọng D, sinh năm 1970.
Địa chỉ thường trú: khu 2, phường PL, tỉnh ĐN (cũ là khu 2, phường TM, thị xã PL, tỉnh BP).
Địa chỉ tạm trú: Số 573/2/24 đường TS, phường AHT (cũ là phường 12, quận GV), Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 7 năm 2024; bản tự khai và các lần làm việc tại Tòa án đại diện nguyên đơn ông Dương Văn T trình bày:

Ngày 25/03/2022, ông Nguyễn Trọng D (gọi tắt là bị đơn) có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT (gọi tắt là Ngân hàng, nguyên đơn) hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng- các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của Ông D, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50,000,000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng ông D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 269,341,317 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 225,789,507 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông D vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điêu khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 16/10/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 07/07/2024, ông D còn nợ các khoản sau:

Dư nợ gốc: 55,245,874 đồng

Lãi quá hạn : 20,323,730 đồng

Tổng cộng: 75,569,604 đồng

(Bằng chữ: Bảy mươi lăm triệu, năm trăm sáu mươi chín nghìn, sáu trăm lẻ bốn đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông D có trách nhiệm thanh toán tuy nhiên ông D vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng đề nghị quý Tòa thụ lý vụ án, xem xét và phán quyết:

1. Buộc Ông Nguyễn Trọng D phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiên tạm tính đến ngày 07/07/2024 là 75,569,604 đồng (*Bảy mươi lăm triệu, năm trăm sáu mươi chín nghìn, sáu trăm lẻ bốn đồng*) trong đó: Dư nợ gốc: 55,245,874 đồng, Lãi quá hạn: 20,323,730 đồng

2. Ông Nguyễn Trọng D có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 08/07/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Ngày 19/11/2024, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT có bản tự khai yêu cầu :

- Buộc Ông Nguyễn Trọng D phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/11/2024 là 85.807.874 đồng (Tám mươi lăm triệu tám trăm linh

bảy nghìn tám trăm bảy mươi tư đồng) trong đó: Nợ gốc: 55,245,874 đồng, Lãi quá hạn: 30.562.000 đồng

- Ông Nguyễn Trọng D có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 19/11/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Ngày 29/9/2025, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT có bản tự khai yêu cầu :

-Buộc Ông Nguyễn Trọng D phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/09/2025 là 109.340.614 đồng (*Một trăm linh chín triệu, ba trăm bốn mươi nghìn, sáu trăm mười bốn đồng*) trong đó: Nợ gốc: 55,245,874 đồng, Lãi quá hạn: 54.094.740 đồng

-Ông Nguyễn Trọng D có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/09/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ và triệu tập ông Nguyễn Trọng D đến Tòa án để lấy lời khai nhưng ông D không đến. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của ông Nguyễn Trọng D theo Quyết định cung cấp tài liệu, chứng cứ số 648/2025/QĐ-CCTLCC ngày 09/05/2025, tại địa chỉ số 573/2/24 TS, phường AHT (cũ là phường 12, quận GV), Thành phố Hồ Chí Minh, được biết: "Đương sự Nguyễn Trọng D, sinh năm 1970 có đăng ký thường trú tại địa chỉ số 573/2/24 Tân Sơn, phường AHT (cũ là phường 12, quận GV), Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2017 đến tháng 10/2024 trả phòng trọ không còn cư trú tại 573/2/24 TS, phường AHT (cũ là phường 12, quận GV), Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện không biết cư trú tại đâu".

Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của ông Nguyễn Trọng D theo Quyết định cung cấp tài liệu, chứng cứ số 46/2025/QĐ-CCTLCC ngày 09/01/2025, tại địa chỉ khu 2, phường PL, tỉnh ĐN (cũ là phường TM, thị xã PL, tỉnh BP) được biết: "Công dân Nguyễn Trọng D, sinh năm 1970 trước đây có đăng ký thường trú tại khu 2, phường PL, tỉnh ĐN (cũ là phường TM, thị xã PL, tỉnh BP) nhưng bỏ địa phương đi từ năm 2002 đến nay nên đã bị xóa đăng ký thường trú hiện không sinh sống tại địa phương và không biết ông D hiện sinh sống ở đâu

Ngày 02/06/2025, Toà án đã thông báo cho đại diện nguyên đơn về kết quả xác minh theo quyết định cung cấp tài liệu, chứng cứ và yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ nơi ở mới của ông Nguyễn Trọng D. Tuy nhiên, ngày 02/6/2025, đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT cho biết ông Nguyễn Trọng D bỏ đi nơi khác nhưng không thông báo cho Ngân hàng đề nghị Tòa án tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án tại địa chỉ số 573/2/24 TS, phường AHT (cũ là Phường 12, quận GV), Thành phố Hồ Chí Minh và tại khu 2, phường PL, tỉnh ĐN (cũ là phường TM, thị xã PL, tỉnh BP) để đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, Tòa án nhân dân quận GV (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh) tống đạt và niêm yết các văn bản của Tòa án theo địa chỉ tạm trú cuối cùng của ông D tại địa chỉ số 573/2/24 TS, phường AHT (cũ là Phường 12, quận GV), Thành phố Hồ Chí Minh và tại khu 2,, phường PL, tỉnh ĐN (cũ là

khu 2, phường TM, thị xã PL, tỉnh BP) để giải quyết vụ án và đưa vụ án ra xét xử.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông D không đến, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông D hợp lệ theo quy định pháp luật vì vậy Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo pháp luật quy định.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT do ông Dương Văn T là đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt xét xử tuy nhiên ông T vẫn giữ yêu cầu :

-Buộc ông Nguyễn Trọng D phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/09/2025 là 109.340.614 đồng (*Một trăm linh chín triệu, ba trăm bốn mươi nghìn, sáu trăm mười bốn đồng*) trong đó: Nợ gốc : 55,245,874 đồng, Lãi quá hạn: 54.094.740 đồng

-Ông Nguyễn Trọng D có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/09/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Ông Nguyễn Trọng D là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7- Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa nhưng người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Đúng thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng .

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết :

1.1 *Việc xác định nơi cư trú cuối cùng của bị đơn :*

Nguyên đơn khởi kiện ông Nguyễn Trọng D tại nơi cư trú cuối cùng của ông Nguyễn Trọng D địa chỉ: 573/2/24 TS, phường AHT (cũ là Phường 12, quận GV), Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Toà án nhân dân Tối Cao hướng dẫn việc trả đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án. Nguyên đơn khởi kiện đúng địa chỉ ông D tạm trú và việc ông D chuyển đi nơi khác không báo cho Ngân hàng được coi là cố tình giấu địa chỉ do đó Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú cuối cùng của ông D là địa chỉ số 573/2/24 TS, phường AHT (cũ là Phường 12, quận GV), Thành phố Hồ Chí Minh là đúng trình tự theo quy định của pháp luật .

1.2 *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Trọng D về yêu cầu trả số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/3/2023 được ký kết giữa hai bên. Bị đơn ông Nguyễn Trọng D có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ số 573/2/24 TS, phường AHT (cũ là Phường 12, quận GV), Thành phố Hồ Chí Minh , đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Khu vực 7 (cũ là Tòa án nhân dân quận GV), Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7 Thành phố Hồ Chí Minh), được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025.

1.3 *Về thủ tục tố tụng* :

Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Trọng D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Dũng theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- *Về nợ gốc*:

Căn cứ vào hợp đồng ký ngày 25/3/2023 đã ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT với ông Nguyễn Trọng D sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng). Căn cứ thu nhập thực tại, tình hình tài chính và đề nghị của ông Nguyễn Trọng D, Ngân hàng đã đồng ý cấp 01 thẻ tín dụng số thẻ 356480-1xxx với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật. Nội dung các bên thỏa thuận xuất phát từ sự tự nguyện không trái với các quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/3/2023 đã ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT với ông Nguyễn Trọng D; bản tự khai ngày 19/11/2024 ; ngày 05/9/2025 và ngày 29/9/2025 của đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng; Bản sao kê ngày 18/11/2024 và ngày 05/9/2025 và ngày 29/9/2025 Ngân hàng đã đồng ý cấp 01 thẻ tín dụng số thẻ: 356480-1xxx với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, ông D đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 269.341.317 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 225.789.507 đồng còn lại nợ gốc tạm tính đến ngày 29/9/2025 là 55.245.874 đồng. Tuy nhiên qua nhiều lần nhắc nhở ông D vẫn không thanh toán thêm cho Ngân hàng bất kỳ khoản tiền nào. Theo quy định tại khoản 2 điều 95 Luật tổ chức tín dụng quy định: "Trong trường hợp khách hàng không trả nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng" và theo quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả tiền và khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn". Ông D đã vi phạm nghĩa vụ về thời gian thanh toán nợ gốc theo như hợp đồng đã ký kết. Vì vậy yêu cầu của Ngân hàng buộc ông D phải trả số tiền nợ gốc là 55.245.874 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nợ lãi:

Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 25/3/2023; Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT và các văn bản khác ông Nguyễn Trọng D đã ký với Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT về việc sử dụng thẻ tín dụng, Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT đã cấp cho ông D 01 thẻ tín dụng, số thẻ: 356480-1xxx với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định "… Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".

Căn cứ Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/3/2023 và Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT đã được ký giữa Ngân hàng và ông D.

Căn cứ vào bảng sao kê ngày 18/11/2024; ngày 05/9/2025 và ngày 29/9/2025, Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đó bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi tạm tính đến ngày 29/9/2025 là 54.094.740 đồng. Ông Nguyễn Trọng D phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/9/2025 trên số nợ gốc cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Căn cứ tại Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về lãi suất quy định về quyền và nghĩa vụ của bên vay và bên cho vay thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với mức lãi suất trong hạn là 2.766%/ tháng

là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010. Tính đến ngày 05/9/2025, ông D còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT tổng số tiền lãi quá hạn là 54.094.740 đồng do đó Hội đồng xét xử nhận thấy giữa ông D và Ngân hàng đã tự nguyện thỏa thuận về lãi suất với hình thức vay tín chấp phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010. Căn cứ Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 thì ông D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT do đó Hội đồng xét xử buộc ông D phải trả tổng số tiền lãi quá hạn là 54.094.740 đồng, tạm tính đến ngày 29/9/2025.

Như vậy, Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Trọng D phải trả ngay cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT tổng số tiền lãi và gốc là tạm tính đến ngày 29/9/2025 là 109.340.614 đồng (*Một trăm linh chín triệu, ba trăm bốn mươi nghìn, sáu trăm mười bốn đồng*) trong đó: Nợ gốc: 55,245,874 đồng, Lãi quá hạn: 54.094.740 đồng.

Ông D tiếp tục thanh toán tiền lãi từ ngày 06/9/2025 cho đến khi ông D hoàn tất nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT theo thỏa thuận trong hợp đồng (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT).

[3]Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ nộp án phí và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT số tiền 1.889.240 đồng (Một triệu tám trăm tám mươi chín nghìn hai trăm bốn mươi đồng) tiền tạm nộp án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014805 ngày 23/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận GV (nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 7, Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị đơn phải chịu án phí tương đương với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 109.340.614 đồng (*Một trăm linh chín triệu, ba trăm bốn mươi nghìn, sáu trăm mười bốn đồng*).

Do đó ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.467.031 đồng *(Năm triệu bốn trăm sáu mươi bảy ngàn không trăm ba mươi mốt đồng)*.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung 2025);

- Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

- Căn cứ Điều 280; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Toà án nhân dân Tối Cao hướng dẫn việc trả đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

- Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc ông Nguyễn Trọng D phải trả ngay cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT tổng số tiền lãi và gốc là tạm tính đến ngày 29/9/2025 là 109.340.614 đồng (*Một trăm linh chín triệu, ba trăm bốn mươi nghìn, sáu trăm mười bốn đồng*) trong đó: Nợ gốc: 55,245,874 đồng, Lãi quá hạn: 54.094.740 đồng.

- Ông Nguyễn Trọng D còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh trên tổng số nợ gốc kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi thanh toán xong theo như lãi suất hợp đồng được ký ngày 25/3/2023 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT với ông Nguyễn Trọng D sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng).

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Trọng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.467.031 đồng *(Năm triệu bốn trăm sáu mươi bảy ngàn không trăm ba mươi mốt đồng)*.

- Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT số tiền 1.889.240 đồng (Một triệu tám trăm tám mươi chín nghìn hai trăm bốn mươi đồng) tiền tạm nộp án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014805 ngày 23/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận GV (nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 7, Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận :
- VKSND KV7, TPHCM;
- Phòng THADSKV7, THADS.TPHCM ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tưởng Công Sơn